

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Diệu Tuyết Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Hòa

Bà Nguyễn Thị Viết Sáu.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Quỳnh - Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận
tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 501/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 282/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 304/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu phố M, phường L Đ, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận;

2. *Bị đơn:* Ông Trần Quốc Ph, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Khu phố M, phường L Đ, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt bà Nguyễn Thị Ngọc D (có đơn xin xét xử vắng mặt), vắng mặt ông Trần Quốc Ph.

NỘI D V U Á N:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Trần Quốc Ph tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 11/5/2001 tại Ủy ban nhân dân phường Lạc Đạo,

thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Khi về chung sống với nhau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Ph thường xuyên say sưa, về nhà kiểm chuyện chửi mắng, đánh đập vợ con. Vì thương con nên bà nhẫn nhịn, bỏ qua để sống. Đến năm 2012, mâu thuẫn giữa bà D và ông Ph ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà dọn ra ngoài để ở trọ từ đó đến nay. Nay bà Nguyễn Thị Ngọc D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Quốc Ph.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Trần Quốc Ph có với nhau 02 con chung tên là Trần Thị Kim Ph, sinh ngày 14/5/1990 và Trần Quốc Ph, sinh ngày 04/12/1998. Hiện các con đã trưởng thành, đủ điều kiện chăm sóc bản thân, có gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc D khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Quốc Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quốc Ph và bà Nguyễn Thị Ngọc D tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 11/5/2001 tại Ủy ban nhân dân phường Lạc Đạo, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn vợ chồng ông sống cùng với mẹ ruột của ông Ph tại số nhà 02/06 hẻm Trần Cao Vân, Khu phố M, phường L Đ, thành phố Phan Thiết. Quá trình chung sống giữa vợ ông là bà D và mẹ ruột ông thường hay xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2012 thì bà D dọn ra ngoài để ở trọ tại Khu phố M, phường L Đ, thành phố Phan Thiết, còn ông vẫn sống cùng mẹ ruột. Từ năm 2012 đến nay vợ chồng ông sống riêng, mạnh ai nấy sống nhưng ông có ghé thăm con hoặc con cái vẫn ghé nhà thăm ông và bà nội. Việc vợ chồng sống ly thân là do bà D muốn dọn ra ngoài để sống còn ông Ph thì không muốn. Nay bà Nguyễn Thị Ngọc D xin ly hôn, ông xác định vẫn còn tình cảm với bà D và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Trần Quốc Ph có với nhau 02 con chung tên là Trần Thị Kim Ph, sinh ngày 14/5/1990 và Trần Quốc Ph, sinh ngày 04/12/1998. Hiện các con đã trưởng thành, đủ điều kiện chăm sóc bản thân, có gia đình riêng nên ông không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Quốc Ph xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết với đại diện Khu phố M, phường L Đ, thành phố Phan Thiết thể hiện: Ông Trần Quốc Ph có đăng ký HKTT và hiện đang sinh sống tại Khu phố M, phường L Đ, thành phố Phan Thiết. Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Trần Quốc Ph có chung sống với nhau nhưng khoảng 05 năm nay đã ly thân, không còn chung sống với nhau nữa, bà D dọn ra ngoài để ở trọ còn ông Ph hiện đang sống cùng với mẹ già tại số nhà 02/06 hẻm Trần Cao Vân, Khu phố M, phường L Đ, thành phố Phan Thiết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng; Bị đơn không chấp hành quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ lời khai của các đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Trần Quốc Ph; Bị đơn ông Trần Quốc Ph có nơi cư trú tại: Khu phố M, phường L Đ, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ nhưng bị đơn cố tình vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa để xét xử đối với vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lấy lời khai của ông Trần Quốc Ph vào ngày 15/8/2022, Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải vào các ngày 15/8/2022 và 30/8/2022, đã tiến hành tổng đạt trực tiếp Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Ph. Tuy nhiên ông Ph vẫn cố tình vắng mặt. Xét thấy, bị đơn ông Trần Quốc Ph đã có lời khai về việc giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố, vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về nội D:

3.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Trần Quốc Ph tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 11/5/2001 tại Ủy ban nhân dân phường

Lạc Đạo, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận nên quan hệ hôn nhân của hai đương sự là hợp pháp theo quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống giữa bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Trần Quốc Ph xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Do mâu thuẫn nên năm 2012 bà D dọn ra ngoài để sống, còn ông Ph sống cùng mẹ ruột tại số nhà 02/06 hẻm Cao Vân, Khu phố M, phường L Đ, thành phố Phan Thiết. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2012 đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm gì đến nhau, cuộc sống chung đã không còn tồn tại. Tại biên bản lấy lời khai ông Trần Quốc Ph không đồng ý ly hôn, xác định vẫn còn tình cảm với bà D. Tuy nhiên, Tòa án đã mở phiên hòa giải 02 lần nhưng ông Ph cố tình vắng mặt, không có hành động thể hiện thiện chí hòa giải đoàn tụ vợ chồng nên có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích của hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Nay, bà Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu ly hôn, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

3.2. Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Trần Quốc Ph có với nhau 02 con chung tên là Trần Thị Kim Ph, sinh ngày 14/5/1990 và Trần Quốc Ph, sinh ngày 04/12/1998. Hiện các con đã trưởng thành, đủ điều kiện chăm sóc bản thân, có gia đình riêng nên ông Trần Quốc Ph và bà Nguyễn Thị Ngọc D không yêu cầu Tòa án giải quyết

3.3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Quốc Ph và bà Nguyễn Thị Ngọc D xác định là không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với ông Trần Quốc Ph.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009932 ngày 13/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết. Bà Nguyễn Thị Ngọc D đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- UBND phường Lạc Đạo, TP. Phan Thiết;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Diệu Tuyết Trinh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Diệu Tuyết Trinh

